TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 75/2024/QĐST-HNGĐ.	Kim Động, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG – TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 101/2024/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, giữa:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Trịnh Quang H, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976. Đều trú tại: thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về quan hệ vợ chồng: ông H và bà T là hai người khác địa phương kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên vào ngày 27/12/1996.

Theo như ông H, bà T trình bày khi ông bà đi đăng ký kết hôn do họ mẹ của bà T là họ Phan nên vợ chồng ông bà không để ý và đã ghi trong tờ khai đăng ký kết hôn là họ bà T nên trong giấy chứng nhận kết hôn bà T có họ tên là Phan Thị T, các giấy tờ tùy thân khác bà T là Nguyễn Thị T. Do vậy ngày 27/3/2024 UBND xã Phú Thịnh đã có xác nhận theo đơn đề nghị của bà T và ông H, xác định bà Phan Thị T, sinh tháng 5/1976 trong đăng ký kết hôn và bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 21/11/1976 trong các giấy tờ tùy thân khác là một người.

Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương bà T về gia đình ông H sinh sống. Quá trình vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung, cho đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế, bản thân giữa ông H và bà T ngày càng có những suy nghĩ khác nhau về cách đối nhân xử thế trong mọi mối quan hệ gia đình giữa hai bên, dẫn đến vợ chồng cãi vã, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, tình cảm

vợ chồng lạnh nhạt và khó hòa hợp lại được với nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên từ giữa năm 2021 ông bà đã sống ly thân nhau cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng độc lập. Đến nay ông H và bà T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên không mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân này, ông bà đã thống nhất làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn để giải phóng cho nhau ổn định cuộc sống, ông bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động căn cứ theo đơn yêu cầu của ông bà để công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông bà càng sớm càng tốt. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H, bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/10/2024 giữa ông Hậu, bà Thu là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, cần được công nhận là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2].Về con chung: ông H và bà T có 02 con chung là anh Trịnh Quang P, sinh năm 1997 và chị Trịnh Thị L, sinh năm 2000. Hiện nay các con chung của ông H, bà T đã thành niên và tự lập được, ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3].Về tài sản chung; công sức; công nợ; ruộng canh tác: anh chị tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4].Về lệ phí: ông H và bà T thỏa thuận, ông H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trịnh Quang H và bà Nguyễn Thị T.

1.2. Về con chung: ông H và bà T có 02 con chung là anh Trịnh Quang P, sinh năm 1997 và chị Trịnh Thị L, sinh năm 2000. Hiện nay các con chung của ông H, bà T đã thành niên và tự lập được, ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung; công nợ; công sức; ruộng canh tác: ông H, bà T đều tự nguyện không đề nghị Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: ông H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001715 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Ông H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UNBD xã P (GCNKH số 46/1996 ngày 27/12/1996);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh